

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
về việc ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công  
sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 344+345)

**PHỤ LỤC SỐ 60****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu  
sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

### Trang

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

#### **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

#### **III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

#### **2.1. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.2. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.3. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.4. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ, tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.5. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 sản phẩm (thương hiệu).

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí; quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                            |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ quảng bá sản phẩm                                                                                            |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ quảng bá sản phẩm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ. |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chi tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                                    |
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                      |
| Bước 2 | Gửi văn bản mời các đơn vị tham gia quảng bá, đăng ký thương hiệu                                                                                                      |
| 2.1    | Xây dựng văn bản, trình cấp có thẩm quyền ban hành                                                                                                                     |
| 2.2    | Gửi văn bản tới các đơn vị liên quan                                                                                                                                   |
| 2.3    | Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ                                                                 |

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.4    | Lên phương án hỗ trợ đơn vị tham gia quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ                             |
| Bước 3 | Quảng bá sản phẩm, đăng ký thương hiệu sản phẩm.                                                                           |
| 3.1    | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ quảng bá sản phẩm, đăng ký thương hiệu sản phẩm                                   |
| 3.2    | Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ quảng bá sản phẩm, đăng ký thương hiệu sản phẩm                                    |
| Bước 4 | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia của doanh nghiệp                                                                          |
| 4.1    | Tiếp nhận đơn đăng ký tham gia kèm theo hồ sơ                                                                              |
| 4.2    | Lập danh sách các đơn vị tham gia                                                                                          |
| Bước 5 | Đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ                                                                                     |
| 5.1    | Lập phương án đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ                                                                       |
| 5.2    | Khảo sát hiện trạng                                                                                                        |
| 5.3    | Xác minh dữ liệu kê khai trong hồ sơ                                                                                       |
| Bước 6 | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để quảng bá, đăng ký thương hiệu.                      |
| Bước 7 | Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng                                                            |
| 7.1    | Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền                                                                             |
| 7.2    | Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền                                                                              |
| 7.3    | Phối hợp, biên soạn nội dung quảng bá tuyên truyền                                                                         |
| 7.4    | Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền                                                                                      |
| 7.5    | Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền                                                                                   |
| Bước 8 | Đăng ký thương hiệu sản phẩm                                                                                               |
| 8.1    | Xây dựng văn bản của cấp có thẩm quyền gửi Cục sở Hữu trí tuệ để phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký thương hiệu sản phẩm |
| 8.2    | Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp lập và hoàn thiện hồ sơ đăng ký theo hướng dẫn của Cục sở Hữu trí tuệ.                         |
| Bước 9 | Thanh quyết toán                                                                                                           |
| 9.1    | Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thi công, quảng bá, tuyên truyền                                                 |
| 9.2    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                         |
| 9.3    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                               |
| 9.4    | Lưu hồ sơ                                                                                                                  |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| STT | Tên tiêu chí                                                     | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                               | Phương pháp kiểm tra                                                                                                |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                          | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị                                              |
|     |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm.                                                                               | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự                                     |
| 2   | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | Phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt.                                                                          | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.                                                  |
|     |                                                                  | Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                    | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                                                                 |
| 3   | Tiêu chí về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình                  | Phù hợp với các quy định hiện hành về quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm và được hội đồng xét chọn thông qua                                              | Đối chiếu với biên bản họp hội đồng xét chọn.                                                                       |
|     |                                                                  | Được UBND Thành phố phê duyệt                                                                                                                                 | Đối chiếu với danh sách được UBND Thành phố phê duyệt                                                               |
| 4   | Tiêu chí về sản phẩm                                             | Thành phần hồ sơ sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm theo quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền | Đối chiếu với các quy định hiện hành về thành phần hồ sơ hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm |

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: với 01 sản phẩm (thương hiệu)*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>60.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 4,14            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 4,31            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 72,64           |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 57,20           |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 23,89           |
|              | Máy in                        | Ca          | 0,81            |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 1,30            |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,3             |
|              | Ô tô 07 chỗ ngồi              | Ca          | 2               |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 3,30            |
|              | Mực in                        | hộp         | 0,47            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 21%             |

**PHỤ LỤC SỐ 61****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

### Trang

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

#### **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

#### **III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày

24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### **3. Áp dụng định mức**

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ là 10 doanh nghiệp.

a) Trường hợp tăng 01 doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,07) = 1,14$ .*

b) Trường hợp giảm 01 doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ giảm 03 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,07) = 0,79$ .*

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của đơn vị thực hiện cho 01 doanh nghiệp.

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.3, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                     |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                          |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                                                             |
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                                               |
| Bước 2 | Thành lập tổ chuyên gia hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                     |
| Bước 3 | Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ               |
| 3.1    | Khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phục vụ việc xác định danh sách (danh sách dài) các doanh nghiệp cần gửi thư mời                                        |
| 3.2    | Xây dựng, trình ban hành văn bản gửi doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình                                                                                                                 |
| 3.3    | Tổng hợp đăng ký của doanh nghiệp và lựa chọn danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ                                                                                                                |
| Bước 4 | Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ              |
| Bước 5 | Xây dựng kế hoạch thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                 |
| Bước 6 | Họp khai mạc tại đơn vị                                                                                                                                                                         |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                    |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 7  | Xây dựng tiêu chí, dữ liệu cần thu thập, biểu mẫu đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất của doanh nghiệp cần đánh giá                           |
| Bước 8  | Khảo sát, thu thập dữ liệu của đơn vị                                                                                                                                                          |
| Bước 9  | Hợp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                          |
| Bước 10 | Lập Báo cáo đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                       |
| Bước 11 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cấp tổ chuyên gia                           |
| Bước 12 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cấp đơn vị                                  |
| Bước 13 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với cơ sở được hỗ trợ |
| Bước 14 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                                                                                                                                    |
| Bước 15 | Thanh quyết toán                                                                                                                                                                               |
| 15.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                                                                             |
| 15.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                                                                                   |
| 15.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                                                                                      |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                     | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                              | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                   |
|----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ theo quy định | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị |

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                                                                                                              | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                            | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                            |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                           | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đánh giá năng lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                                                                                          | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
|    |                                                                                                                                                           | Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ liên quan đến tiêu chuẩn/hệ thống quản lý liên quan đến dịch vụ của cơ quan có thẩm quyền                                                                              | Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị                                              |
| 2  | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch hàng năm                                                                                                                    | Nội dung kế hoạch cần phù hợp với chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt                                                                                                                                                 | Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt           |
|    |                                                                                                                                                           | Nội dung kế hoạch Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                    | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt                            |
| 3  | Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ                                                                                                                   | Danh sách các cơ sở được lựa chọn Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được duyệt                                |
| 4  | Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ | Nội dung thực hiện cần đánh giá được khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp đối với các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất                                                                                          | Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.             |
|    |                                                                                                                                                           | Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ                                                                                                                                                                 | Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ                              |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>61.01</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 1,25            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 36,88           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 8,23            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9   | Công        | 5,06            |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 39,48           |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,02            |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 5,37            |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,77            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

| <b>Mã</b>    | <b>Thành phần hao phí</b>         | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Trị số định mức</b> |
|--------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>61.02</b> |                                   |                    |                        |
| <b>1</b>     | <b>Định mức lao động</b>          |                    |                        |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8     | Công               | 0,06                   |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9       | Công               | 10,31                  |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9       | Công               | 5,06                   |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9       | Công               | 1,56                   |
| <b>2</b>     | <b>Định mức máy móc, thiết bị</b> |                    |                        |
|              | Máy tính để bàn                   | Ca                 | 3,56                   |
|              | Máy tính xách tay                 | Ca                 | 7,00                   |
|              | Máy in A4 đen trắng               | Ca                 | 0,14                   |
|              | Máy chiếu                         | Ca                 | 0,75                   |
|              | Ô tô 4 chỗ                        | Ca                 | 1,50                   |
| <b>3</b>     | <b>Định mức vật tư</b>            |                    |                        |
|              | Giấy in A4                        | Ram                | 4,48                   |
|              | Mực in A4 đen trắng               | Hộp                | 0,64                   |
| <b>4</b>     | <b>Chi phí gián tiếp</b>          | %                  | 20%                    |

**PHỤ LỤC SỐ 62****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất  
cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

### Trang

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

#### **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

#### **III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí của tổ chức cấp chứng nhận, chi phí thuê, mua ngoài.

b) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm a, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                           |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ                                                                                                                    |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                           |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                   |
| 1.3    | Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ                                                              |
| 1.4    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                     |
| Bước 2 | Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ                                                                                            |
| Bước 3 | Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ  |
| 3.1    | Xây dựng, trình ban hành văn bản gửi doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình                                                       |
| 3.2    | Tổng hợp đăng ký của doanh nghiệp và lựa chọn danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ                                                      |
| Bước 4 | Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                              |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 5  | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ                                                                                                                                 |
| Bước 6  | Làm việc với doanh nghiệp được lựa chọn, xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |
| Bước 7  | Tổ chức thực hiện đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                                 |
| 7.1     | Họp triển khai tại đơn vị                                                                                                                                                |
| 7.2     | Khảo sát, thu thập dữ liệu về hệ thống quản trị của đơn vị                                                                                                               |
| 7.3     | Họp rà soát hồ sơ, dữ liệu về hệ thống quản trị tại đơn vị                                                                                                               |
| 7.4     | Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của đơn vị                                                                                                                        |
| 7.5     | Phân tích, đánh giá sự phù hợp của hệ thống quản trị tại đơn vị với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành                                                                  |
| 7.6     | Nghiên cứu đề xuất những điểm không phù hợp, khuyến nghị và các hành động khắc phục phòng ngừa                                                                           |
| Bước 8  | Xem xét hồ sơ khắc phục, phòng ngừa của doanh nghiệp                                                                                                                     |
| Bước 9  | Thiết kế, in ấn giấy chứng nhận cho các đơn vị được công nhận                                                                                                            |
| Bước 10 | Tổ chức trao chứng nhận cho doanh nghiệp                                                                                                                                 |
| Bước 11 | Lập báo cáo kết quả tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                       |
| Bước 12 | Duyệt báo cáo kết quả cấp tổ chuyên gia                                                                                                                                  |
| Bước 13 | Duyệt báo cáo kết quả cấp đơn vị                                                                                                                                         |
| Bước 14 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với cơ sở được hỗ trợ         |
| Bước 15 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                                                                                                              |
| Bước 16 | Thanh quyết toán                                                                                                                                                         |
| 16.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                                                       |
| 16.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                                                             |
| 16.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                                                                |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                     | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                        | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                            |
|----|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ theo quy định                           | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị          |
|    |                                                                  | - Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức đánh giá hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                          | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
|    |                                                                  | - Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ về hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt                           | Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị                                              |
| 2  | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | - Nội dung kế hoạch tổ chức đánh giá hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt               |
|    |                                                                  | - Nội dung kế hoạch tổ chức đánh giá hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                              | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                             |

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                      | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                               | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                                                                |
|----|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ           | Danh sách các cơ sở được lựa chọn đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch đã được duyệt                                                                 |
| 4  | Tiêu chí về thực hiện tổ chức đánh giá, công nhận | - Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền                                                                                       | Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được đánh giá, công nhận về nội dung thực hiện |
|    |                                                   | - Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được đánh giá, công nhận                                                                                                     | Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được đánh giá, công nhận                                                     |
| 5  | Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ             | Doanh nghiệp được cấp chứng nhận về hệ thống quản trị sản xuất                                                                                                                | Kiểm tra, đối chiếu chứng nhận đạt được của doanh nghiệp                                                            |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>62.01</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 3,88            |

| <b>Mã</b> | <b>Thành phần hao phí</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Trị số định mức</b> |
|-----------|-----------------------------|--------------------|------------------------|
|           | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9 | Công               | 86,61                  |
|           | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9 | Công               | 19,83                  |
| 2         | Định mức máy móc, thiết bị  |                    |                        |
|           | Máy tính để bàn             | Ca                 | 75,11                  |
|           | Máy tính xách tay           | Ca                 | 10,00                  |
|           | Máy in A4 đen trắng         | Ca                 | 1,71                   |
|           | Máy in A4 màu               | Ca                 | 0,01                   |
|           | Máy điện thoại di động      | Ca                 | 2,50                   |
|           | Máy chiếu                   | Ca                 | 2,52                   |
|           | Ô tô 4 chỗ                  | Ca                 | 3,33                   |
| 3         | Định mức vật tư             |                    |                        |
|           | Giấy in A4                  | Ram                | 8,53                   |
|           | Mực in A4 đen trắng         | Hộp                | 1,17                   |
|           | Mực in A4 màu               | Hộp                | 0,01                   |
|           | Giấy in A4 bìa              | Ram                | 0,30                   |
| 4         | Chi phí gián tiếp           | %                  | 20%                    |

**PHỤ LỤC SỐ 63**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các  
doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ là 10 doanh nghiệp.

a) Trường hợp tăng 01 doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,07) = 1,14$ .*

b) Trường hợp giảm 01 doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ giảm 03 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,07) = 0,79$ .*

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của đơn vị thực hiện cho 01 doanh nghiệp.

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.3, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                              |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1  | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                           |
| 1.1     | Tiếp nhận kế hoạch hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt                  |
| 1.2     | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                      |
| 1.3     | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                        |
| Bước 2  | Thành lập tổ chuyên gia hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                      |
| Bước 3  | Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                |
| 3.1     | Khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phục vụ việc xác định danh sách (danh sách dài) các doanh nghiệp cần gửi thư mời |
| 3.2     | Xây dựng, trình ban hành văn bản gửi doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình                                                                          |
| 3.3     | Tổng hợp đăng ký của doanh nghiệp và lựa chọn danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ                                                                         |
| Bước 4  | Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                               |
| Bước 5  | Xây dựng kế hoạch thực hiện hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                  |
| Bước 6  | Họp khai mạc tại đơn vị                                                                                                                                  |
| Bước 7  | Xây dựng tiêu chí, dữ liệu cần thu thập, biểu mẫu đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của doanh nghiệp cần đánh giá     |
| Bước 8  | Khảo sát, thu thập dữ liệu của đơn vị                                                                                                                    |
| Bước 9  | Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                    |
| Bước 10 | Lập Báo cáo đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                                         |
| Bước 11 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cấp tổ chuyên gia                                             |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                            |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 12 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cấp đơn vị                                  |
| Bước 13 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với cơ sở được hỗ trợ |
| Bước 14 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                                                                            |
| Bước 15 | Thanh quyết toán                                                                                                                       |
| 15.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                     |
| 15.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                           |
| 15.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                              |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                     | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                              | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                            |
|----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ theo quy định | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị          |
|    |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đánh giá năng lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                            | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
| 2  | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | Nội dung kế hoạch cần phù hợp với chương trình, kế hoạch của thành phố                                                                                       | Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.          |
|    |                                                                  | Nội dung kế hoạch hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt              | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt                            |

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                                                      | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                     | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 3  | Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ                                                           | Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt. | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được duyệt                   |
| 4  | Tiêu chí về thực hiện Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ | Nội dung thực hiện cần đánh giá được thực trạng và nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp được hỗ trợ                                                                 | Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện |
|    |                                                                                                   | Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ                                                                                                          | Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ                 |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|----------|
| <b>63.01</b> |                               |             |          |
| 1            | Định mức lao động             |             |          |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 1,25     |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 36,88    |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 8,23     |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9   | Công        | 5,06     |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |          |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 39,48    |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,02     |
| 3            | Định mức vật tư               |             |          |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 5,19     |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,74     |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%      |

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|----------|
| <b>63.02</b> |                               |             |          |
| 1            | Định mức lao động             |             |          |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 0,06     |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 10,31    |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 5,06     |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9   | Công        | 1,56     |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |          |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 3,56     |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 7,00     |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,14     |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 0,75     |
|              | Ô tô 4 chỗ                    | Ca          | 1,50     |
| 3            | Định mức vật tư               |             |          |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 4,48     |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,64     |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%      |

**PHỤ LỤC SỐ 64****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm,  
chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu  
trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

### Trang

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

#### **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

#### **III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

#### **2.1. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.2. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.3. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.4. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.5. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử

nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### **3. Áp dụng định mức**

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 sản phẩm công nghệ.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí; quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

### **1. Quy trình thực hiện dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                               |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                                                                     |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.1     | Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.                              |
| 1.2     | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                                                                                                             |
| 1.3     | Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                                                                                                                        |
| 1.4     | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                                                                                               |
| Bước 2  | Thành lập tổ chuyên gia nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                         |
| Bước 3  | Khảo sát, thu thập dữ liệu về quy mô, hiện trạng hoạt động của đơn vị                                                                                                                                                                           |
| Bước 4  | Phân tích, đánh giá hiện trạng hoạt động của các đơn vị xác định tiềm năng áp dụng                                                                                                                                                              |
| Bước 5  | Lựa chọn danh sách các đơn vị thực hiện Hỗ trợ ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                             |
| Bước 6  | Phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                   |
| Bước 7  | Làm việc với đơn vị lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, quy trình công nghệ, hệ thống thiết bị...). Xây dựng kế hoạch Hỗ trợ ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở |
| Bước 8  | Họp khai mạc tại đơn vị                                                                                                                                                                                                                         |
| Bước 9  | Thu thập dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                                                              |
| Bước 10 | Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                                                           |
| Bước 11 | Khảo sát, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                       |
| Bước 12 | Họp thảo luận kết quả khảo sát, nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng                                                                                                                                                                        |
| Bước 13 | Ứng dụng và sản xuất thử nghiệm tại cơ sở                                                                                                                                                                                                       |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                   |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 13.1    | Thiết lập mô hình của cơ sở                                                   |
| 13.2    | Cập nhật thông số, dữ liệu chi tiết cho từng hạng mục của mô hình             |
| 13.3    | Khởi chạy tính toán mô phỏng hiệu quả cho đơn vị                              |
| Bước 14 | Họp thảo luận về hiệu quả áp dụng                                             |
| Bước 15 | Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng                          |
| Bước 16 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng cấp cơ sở                     |
| Bước 17 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng cấp đơn vị                    |
| Bước 18 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả áp dụng đối với cơ sở được hỗ trợ |
| Bước 19 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                   |
| Bước 20 | Thanh quyết toán                                                              |
| 20.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                            |
| 20.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                  |
| 20.3    | Lưu hồ sơ                                                                     |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| STT | Tên tiêu chí                                                     | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                      | Phương pháp kiểm tra                                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                 | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị          |
|     |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |

| STT | Tên tiêu chí                                    | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                                           | Phương pháp kiểm tra                                                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                   | Phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt.                                                                                      | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.                                                              |
|     |                                                 | Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                                                                             |
| 3   | Tiêu chí về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình | Phù hợp với các quy định hiện hành về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và được hội đồng xét chọn thông qua                                 | Đối chiếu với biên bản họp hội đồng xét chọn.                                                                                   |
|     |                                                 | Được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                          | Đối chiếu với danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                        |
| 4   | Tiêu chí về sản phẩm                            | Thành phần hồ sơ sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ theo quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền | Đối chiếu với các quy định hiện hành về thành phần hồ sơ hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: 01 sản phẩm công nghệ*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>61.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 4,39            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 4,55            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 72,8            |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 72,96           |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 8,78            |
|              | Máy in                        | Ca          | 0,81            |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 1,3             |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,3             |
|              | Ô tô 07 chỗ ngồi              | Ca          | 3               |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 3,3             |
|              | Mực in                        | Hộp         | 0,47            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 65**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm  
cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1 Phạm vi điều chỉnh**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2 Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

#### **2.1. Thành phần định mức kinh tế- kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.2. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.3. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.4. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.5. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 sản phẩm công nghệ.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, hội nghị, hội thảo; quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                      |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                          |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                              |
| 1.3    | Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ                                                                                                  |
| 1.4    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                |
| Bước 2 | Thành lập tổ chuyên gia nghiên cứu và phát triển đổi mới công nghệ.                                                                                              |
| Bước 3 | Khảo sát, thu thập dữ liệu về quy mô, hiện trạng hoạt động của đơn vị                                                                                            |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                                         |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 4  | Phân tích, đánh giá hiện trạng hoạt động của các đơn vị xác định tiềm năng áp dụng                                                                                                                                  |
| Bước 5  | Lựa chọn danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm                                                                                                                 |
| Bước 6  | Phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm                                                                                                                |
| Bước 7  | Làm việc với đơn vị lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, quy trình công nghệ, hệ thống máy móc thiết bị), Xây dựng kế hoạch hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm. |
| Bước 8  | Họp khai mạc tại đơn vị                                                                                                                                                                                             |
| Bước 9  | Thu thập dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                                  |
| Bước 10 | Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                               |
| Bước 11 | Khảo sát, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng                                                                                                                                                                           |
| Bước 12 | Họp thảo luận kết quả khảo sát, nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới công nghệ.                                                                                                                     |
| Bước 13 | Ứng dụng công nghệ đổi mới và sản xuất thử nghiệm tại cơ sở                                                                                                                                                         |
| 13.1    | Thiết lập mô hình của cơ sở                                                                                                                                                                                         |
| 13.2    | Cập nhật thông số, dữ liệu chi tiết cho từng hạng mục của mô hình                                                                                                                                                   |
| 13.3    | Khởi chạy tính toán mô phỏng hiệu quả cho đơn vị                                                                                                                                                                    |
| Bước 14 | Họp thảo luận về hiệu quả áp dụng                                                                                                                                                                                   |
| Bước 15 | Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng                                                                                                                                                                |
| Bước 16 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng cấp cơ sở.                                                                                                                                                          |
| Bước 17 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng cấp đơn vị                                                                                                                                                          |
| Bước 18 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả áp dụng đối với cơ sở được hỗ trợ                                                                                                                                       |
| Bước 19 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                                                                                                                                                         |
| Bước 20 | Thanh quyết toán                                                                                                                                                                                                    |
| 20.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                                                                                                  |
| 20.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                                                                                                        |
| 20.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                                                                                                           |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| STT | Tên tiêu chí                                                     | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                                                                        | Phương pháp kiểm tra                                                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                                   | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị                                                                                       |
|     |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và sản xuất thử nghiệm                                                                                                                               | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự                                                                              |
| 2   | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | Phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt.                                                                                                                   | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.                                                                                           |
|     |                                                                  | Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                             | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                                                                                                          |
| 3   | Tiêu chí về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình                  | Phù hợp với các quy định hiện hành về hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và được hội đồng xét chọn thông qua                                 | Đối chiếu với biên bản họp hội đồng xét chọn.                                                                                                                |
|     |                                                                  | Được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                                                       | Đối chiếu với danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                     |
| 4   | Tiêu chí về sản phẩm                                             | Thành phần hồ sơ sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền | Đối chiếu với các quy định hiện hành về thành phần hồ sơ hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: 01 sản phẩm công nghệ*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>65.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 4,23            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 4,23            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 72,8            |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 72,8            |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 8,45            |
|              | Máy in                        | Ca          | 0,81            |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 1,3             |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,3             |
|              | Ô tô 07 chỗ ngồi              | Ca          | 3               |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 3,3             |
|              | Mực in                        | hộp         | 0,47            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 66**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại  
cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1 Phạm vi điều chỉnh**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2 Đối tượng áp dụng**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

#### **2.1. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.2. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.3. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.4. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.5. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ là 10 doanh nghiệp.

a) Trường hợp tăng 01 doanh nghiệp để thực hiện Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,07) = 1,14$ .*

b) Trường hợp giảm 01 doanh nghiệp để thực hiện Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(1 \times 0,07)$ .

*Ví dụ giảm 03 doanh nghiệp thì định mức (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư) được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,07) = 0,79$ .*

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của đơn vị thực hiện cho 01 doanh nghiệp.

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.3, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo; quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                                                                       |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1  | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                                            |
| 1.1     | Tiếp nhận kế hoạch hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.                                                                                   |
| 1.2     | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có)                                                                                                    |
| 1.3     | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                                                                                                                 |
| Bước 2  | Thành lập tổ chuyên gia nghiên cứu tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                                   |
| Bước 3  | Khảo sát, thu thập dữ liệu về quy mô, hiện trạng hoạt động của đơn vị tiếp nhận chuyển giao công nghệ                                                                                                                                             |
| Bước 4  | Phân tích, đánh giá hiện trạng hiện trạng hoạt động của các đơn vị xác định tiềm năng áp dụng                                                                                                                                                     |
| Bước 5  | Lựa chọn danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                       |
| Bước 6  | Phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                                                                                       |
| Bước 7  | Làm việc với đơn vị lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, quy trình công nghệ, hệ thống thiết bị); Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |
| Bước 8  | Họp khai mạc tại đơn vị                                                                                                                                                                                                                           |
| Bước 9  | Thu thập dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                                                                |
| Bước 10 | Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị                                                                                                                                                                                                             |
| Bước 11 | Khảo sát, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                         |
| Bước 12 | Họp thảo luận kết quả khảo sát, nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng                                                                                                                                                                          |
| Bước 13 | Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao tại đơn vị nhận chuyển giao: kiểm tra các công việc đã thực hiện tại đơn vị nhận chuyển giao gồm                                                                                                                     |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13.1    | Xác định nhu cầu và mục tiêu chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                      |
| 13.2    | Đánh giá đối tác chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                  |
| 13.3    | Đàm phán và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                       |
| 13.4    | Hỗ trợ chuyển giao và triển khai công nghệ tại cơ sở theo đúng kế hoạch được duyệt bao gồm:                                                                                                                                                                             |
| 13.4.1  | Đào tạo, cung cấp tài liệu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                     |
| 13.4.2  | Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp, và chuyển giao thiết bị.                                                                                                                                                                                                                     |
| 13.4.3  | Triển khai công nghệ tại đơn vị, bao gồm cài đặt thiết bị, áp dụng quy trình sản xuất mới và tích hợp hệ thống                                                                                                                                                          |
| 13.5    | Đào tạo và hỗ trợ: Cung cấp đào tạo cho nhân viên và quản lý của bên nhận để họ có thể vận hành, bảo trì, và phát triển công nghệ một cách độc lập. Hỗ trợ sau chuyển giao để giải quyết bất kỳ vấn đề kỹ thuật nào phát sinh.                                          |
| 13.6    | Đánh giá và tối ưu hóa: Đánh giá hiệu quả của quá trình chuyển giao, bao gồm việc kiểm tra xem mục tiêu đã được đạt được chưa và công nghệ có được áp dụng một cách hiệu quả hay không. Tiến hành tối ưu hóa nếu cần để đảm bảo công nghệ được sử dụng tối đa hiệu quả. |
| Bước 14 | Hợp thảo luận về hiệu quả tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                                                                  |
| Bước 15 | Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.                                                                                                                               |
| Bước 16 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp tổ chuyên gia                                                                                                                                                           |
| Bước 17 | Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp đơn vị                                                                                                                                                                  |
| Bước 18 | Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả hiệu quả tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp đơn vị đối với cơ sở được hỗ trợ                                                                                                                           |
| Bước 19 | In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc                                                                                                                                                                                                             |
| Bước 20 | Thanh quyết toán                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 20.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                                                                                                                                                      |
| 20.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                                                                                                                                                            |
| 20.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                               |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                     | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                        | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                            |
|----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ theo quy định                                                                      | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị          |
|    |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ                                                                                                             | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
|    |                                                                  | Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ liên quan đến công cụ/hệ thống quản lý của cơ quan có thẩm quyền                                                   | Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị                                              |
|    |                                                                  | Có trang thiết bị chuyên dụng thực hiện đo kiểm đánh giá các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo các tiêu chí lựa chọn hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ     | Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị                                       |
| 2  | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | Nội dung kế hoạch cần phù hợp với chương trình, kế hoạch của thành phố                                                                                                 | Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt           |
|    |                                                                  | Nội dung kế hoạch Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt                            |

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                                                                             | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                     | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 3  | Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ                                                                                  | Danh sách các cơ sở được lựa chọn Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt                           | Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được duyệt                    |
| 4  | Tiêu chí về thực hiện Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ | Nội dung thực hiện cần đánh giá được thực trạng doanh nghiệp và đề xuất giải pháp thực hiện Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp | Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện. |
|    |                                                                                                                          | Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ                                                                                                                                                          | Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ                  |
| 5  | Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ                                                                                    | Doanh nghiệp được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng công cụ đã được xây dựng                                                                                                                                    | Kiểm tra, đối chiếu xác nhận của cơ sở được hỗ trợ                  |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>66.01</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 0,90            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 85,88           |

|   |                             |      |       |
|---|-----------------------------|------|-------|
|   | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9 | Công | 45,98 |
|   | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9 | Công | 3,46  |
| 2 | Định mức máy móc, thiết bị  |      |       |
|   | Máy tính để bàn             | Ca   | 28,98 |
|   | Máy tính xách tay           | Ca   | 60,00 |
|   | Máy in A4 đen trắng         | Ca   | 0,02  |
|   | Máy điện thoại để bàn       | Ca   | 30,00 |
|   | Ô tô 4 chỗ                  | Ca   | 5     |
| 3 | Định mức vật tư             |      |       |
|   | Giấy in A4                  | Ram  | 8,13  |
|   | Mực in A4 đen trắng         | Hộp  | 1,16  |
| 4 | Chi phí gián tiếp           | %    | 20%   |

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>66.02</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 0,59            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 130,04          |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 67,25           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 6/9   | Công        | 199,55          |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 69,75           |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 278,50          |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,21            |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 18,00           |
|              | Ô tô 4 chỗ                    | Ca          | 25,50           |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 6,56            |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,94            |
|              | Giấy in A4 bìa                | Ram         | 0,50            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 67**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các  
doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2 Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

#### 2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

#### 2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

#### 2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

#### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 sản phẩm (bản quyền, sáng chế, phần mềm).

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

### **1. Quy trình thực hiện dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| <b>STT</b>    | <b>Quy trình thực hiện dịch vụ</b>                                                                                                           |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bước 1</b> | Tiếp nhận nhiệm vụ Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                          |
| <b>1.1</b>    | Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| <b>1.2</b>    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                          |
| <b>1.3</b>    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                            |
| <b>Bước 2</b> | Thành lập tổ chuyên gia Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                     |
| <b>Bước 3</b> | Lựa chọn doanh nghiệp được hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm                                                                          |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                     |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.1     | Xây dựng, trình ban hành văn bản gửi doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình                                 |
| 3.2     | Tổng hợp đăng ký của doanh nghiệp và lựa chọn danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ                                |
| Bước 4  | Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp được hỗ trợ                                                                |
| Bước 5  | Khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp được hỗ trợ                                              |
| Bước 6  | Phân tích dữ liệu, xây dựng phương án, tiêu chí và yêu cầu về bản quyền, sáng chế, phần mềm                     |
| Bước 7  | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp bản quyền, sáng chế, phần mềm                                                  |
| Bước 8  | Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp bản quyền, sáng chế, phần mềm                                                   |
| Bước 9  | Giám sát công tác lắp đặt của đơn vị cung cấp bản quyền, sáng chế, phần mềm cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |
| Bước 10 | Kiểm tra công tác vận hành, chạy thử                                                                            |
| Bước 11 | Tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                      |
| Bước 12 | Phân tích, đánh giá hiệu quả của bản quyền, sáng chế, phần mềm                                                  |
| Bước 13 | Thanh quyết toán                                                                                                |
| 13.1    | Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp                                                              |
| 13.2    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                              |
| 13.3    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                    |
| 13.4    | Lưu hồ sơ                                                                                                       |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| STT | Tên tiêu chí                                                     | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                                              | Phương pháp kiểm tra                                                                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                                                                         | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị                                                                    |
|     |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bản quyền, sáng chế, phần mềm                                                                                          | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự                                                           |
| 2   | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch hàng năm                           | Phù hợp với chương trình, kế hoạch giai đoạn về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt.                                                                               | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.                                                                        |
|     |                                                                  | Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                   | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                                                                                       |
| 3   | Tiêu chí về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình                  | Phù hợp với các quy định hiện hành về mua bản quyền, sáng chế, phần mềm và được hội đồng xét chọn thông qua                                                                  | Đối chiếu với biên bản họp hội đồng xét chọn.                                                                                             |
|     |                                                                  | Được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                             | Đối chiếu với danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                  |
| 4   | Tiêu chí về sản phẩm                                             | Thành phần hồ sơ sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền | Đối chiếu với các quy định hiện hành về thành phần hồ sơ hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: với 01 sản phẩm (bản quyền, sáng chế, phần mềm)*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>67.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 0,49            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 0,49            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 16,49           |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 16,49           |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 0,98            |
|              | Máy in                        | Ca          | 0,81            |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 0,33            |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,3             |
|              | Ô tô 07 chỗ ngồi              | Ca          | 1               |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 3,3             |
|              | Mực in                        | hộp         | 0,47            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 68**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực  
cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## 2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## 2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” theo tiêu chí chất lượng và quy trình thực hiện dịch vụ đã quy định.

## 2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Tiêu chuẩn tính định mức là 5 ngày (mỗi ngày gồm 02 buổi) với quy mô 100÷250 học viên tham gia.

Trường hợp tăng/giảm 01 buổi đào tạo, thì định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: thuê tư vấn, hội trường, chuyên gia nước ngoài và các chi phí khác (nếu có).

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” thực hiện theo quy trình sau:

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                     |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận nhiệm vụ hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ                                          |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có)                  |

| STT    | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                        |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)  |
| Bước 2 | Xây dựng tiêu chí lựa chọn chuyên gia nước ngoài                                                   |
| Bước 3 | Lựa chọn chuyên gia                                                                                |
| 3.1    | Gửi thông tin yêu cầu đến các chuyên gia tiềm năng                                                 |
| 3.2    | Tổng hợp thông tin đăng ký tham gia của các chuyên gia                                             |
| 3.3    | Phân tích, đánh giá, lựa chọn chuyên gia                                                           |
| 3.4    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn chuyên gia                                      |
| 3.5    | Đàm phán, ký kết hợp đồng với chuyên gia                                                           |
| Bước 4 | Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ           |
| 4.1    | Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu                                         |
| 4.2    | Tổng hợp nhu cầu và lựa chọn các đơn vị tham gia đào tạo                                           |
| 4.3    | Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo                                                                  |
| Bước 5 | Phê duyệt kế hoạch tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ          |
| Bước 6 | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ đào tạo                                           |
| Bước 7 | Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo                                                    |
| Bước 8 | Chuẩn bị tổ chức đào tạo                                                                           |
| 8.1    | Phê duyệt tài liệu chương trình đào tạo do chuyên gia lập                                          |
| 8.2    | Lập giấy mời và bản chương trình đào tạo kèm theo; Duyệt giấy mời                                  |
| 8.3    | Lập danh sách khách mời và gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan                                |
| 8.4    | Xây dựng nội dung backdrop, băng rôn, phướn, pano, standee; Giám sát công tác Trang trí hội trường |
| 8.5    | Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp đào tạo                                              |
| 8.6    | Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ                        |
| Bước 9 | Tổ chức đào tạo                                                                                    |
| 9.1    | Đón tiếp học viên, giảng viên, khách mời                                                           |
| 9.2    | Tổ chức khai mạc                                                                                   |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                         |
|---------|---------------------------------------------------------------------|
| 9.3     | Thực hiện đào tạo theo chương trình                                 |
| 9.4     | Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường |
| Bước 10 | Thanh quyết toán                                                    |
| 10.1    | Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ          |
| 10.2    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                  |
| 10.3    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                        |
| 10.4    | Lưu hồ sơ                                                           |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| STT | Tên tiêu chí                                                     | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                              | Phương pháp kiểm tra                                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.                                         | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị          |
|     |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến thuê chuyên gia nước ngoài và dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực.          | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
| 2   | Tiêu chí về xây dựng kế hoạch                                    | Phù hợp với chương trình, kế hoạch giai đoạn về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã được phê duyệt.                               | Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.              |
|     |                                                                  | Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                   | Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt                             |
| 3   | Tiêu chí về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình                  | Phù hợp với các quy định hiện hành về thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực và được hội đồng xét chọn thông qua | Đối chiếu với biên bản họp hội đồng xét chọn.                                   |

| STT | Tên tiêu chí         | Yêu cầu đáp ứng                                                                                                                                         | Phương pháp kiểm tra                                                                                                 |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                      | Được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                        | Đối chiếu với danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                             |
| 4   | Tiêu chí về sản phẩm | Thành phần hồ sơ sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực theo quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền | Đối chiếu với các quy định hiện hành về thành phần hồ sơ hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: 1 chương trình*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>68.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 4,71            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 4,71            |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 64,19           |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 64,19           |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 9,43            |
|              | Máy in                        | Ca          | 0,81            |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 1,3             |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,3             |
|              | Ô tô 07 chỗ ngồi              | Ca          | 1               |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 3,3             |
|              | Mực in                        | hộp         | 0,47            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 69**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp  
sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

### **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

### **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

### **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ (%) nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện cho 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

c) Khi xây dựng đơn giá, các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.” thực hiện theo quy trình sau:

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                    |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ                                                                                                           |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch                                                                                                                             |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                            |
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                              |
| Bước 2 | Thành lập tổ chuyên gia Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. |
| Bước 3 | Xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi điều tra khảo sát                                                                                          |
| Bước 4 | Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu                                                                                        |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                      |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 5  | Tổng hợp, thống kê, xây dựng danh sách các đơn vị khảo sát điều tra phù hợp yêu cầu của nhiệm vụ |
| Bước 6  | Liên hệ, trao đổi với đơn vị được lựa chọn khảo sát điều tra                                     |
| Bước 7  | Khảo sát thu thập dữ liệu cần thiết tại các đơn vị                                               |
| Bước 8  | Lọc và tiêu chuẩn hoá dữ liệu thu thập được tại đơn vị                                           |
| Bước 9  | Tổng hợp kết quả phân tích dữ liệu thu thập được tại các đơn vị                                  |
| Bước 10 | Lập báo cáo phân tích, đánh giá                                                                  |
| Bước 11 | Thành lập hội đồng thẩm định.                                                                    |
| Bước 12 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo                                                                     |
| Bước 13 | Nhập và lưu trữ dữ liệu                                                                          |
| Bước 14 | Duyệt dữ liệu đã nhập cấp tổ chuyên gia                                                          |
| Bước 15 | Định kỳ kiểm tra và cập nhật cơ sở dữ liệu (Kiểm tra định kỳ và cập nhật khi có biến động)       |
| Bước 16 | Thanh quyết toán                                                                                 |
| 15.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                               |
| 15.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                     |
| 15.3    | Lưu hồ sơ                                                                                        |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                 | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                         | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                   |
|----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được khảo sát | Đơn vị được chọn khảo sát phải phù hợp với kế hoạch nhiệm vụ được giao. | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị |

| TT | TÊN<br>TIÊU CHÍ                         | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | PHƯƠNG PHÁP<br>KIỂM TRA                             |
|----|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 2  | Tiêu chí về mẫu phiếu khảo sát          | Mẫu phiếu khảo sát phải có mục tiêu rõ ràng, bám sát yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bố cục khoa học, hợp lý và logic. Các câu hỏi phải đảm bảo khách quan, trung lập không mang tính dẫn dắt và đủ bao quát hết các nội dung cần khảo sát                                                                                                                                     | Đối chiếu mẫu phiếu khảo sát được duyệt             |
| 3  | Tiêu chí về báo cáo phân tích, đánh giá | Báo cáo đánh giá phải chính xác, phản ánh đúng và đủ thông tin từ dữ liệu gốc, tránh sai lệch hoặc làm sai bản chất của vấn đề.<br><br>Phương pháp đánh giá minh bạch. Các phân tích đánh giá phải khách quan dựa trên dữ liệu thực tế và bao quát hết các yêu cầu của nhiệm vụ được giao.<br><br>Hình thức trình bày và bố cục của báo cáo phải chặt chẽ, logic, dễ hiểu. | Đối chiếu báo cáo phân tích, đánh giá được xác nhận |

### 3. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.” như sau:

*Đơn vị tính: 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị.*

| <b>Mã</b>    | <b>Thành phần hao phí</b>     | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Trị số định mức</b> |
|--------------|-------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>69.00</b> |                               |                    |                        |
| 1            | Định mức lao động             |                    |                        |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công               | 1,20                   |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công               | 59,80                  |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công               | 7,95                   |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |                    |                        |
|              | Máy tính để bàn               | Ca                 | 45,85                  |
|              | Máy tính xách tay             | Ca                 | 20                     |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca                 | 0,08                   |
|              | Ô tô 4 chỗ                    | Ca                 | 4                      |
| 3            | Định mức vật tư               |                    |                        |
|              | Giấy in A4                    | Ram                | 2,73                   |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp                | 0,39                   |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %                  | 20%                    |

**PHỤ LỤC SỐ 70**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản,

tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tính cho 01 trang siêu văn bản dung lượng 01MB.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ.” thực hiện theo quy trình sau:

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                    |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ                                                                                                           |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch                                                                                                                             |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) |
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                              |

| TT      | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                         |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 2  | Thành lập tổ chuyên gia nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ.                              |
| Bước 3  | Xác định mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ                                                                                                                                                             |
| Bước 4  | Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ                                                                                                                                                                |
| Bước 5  | Phê duyệt kế hoạch                                                                                                                                                                                  |
| Bước 6  | Thiết kế giao diện của trang siêu văn bản: Bố cục trang, menu, màu sắc, phông chữ                                                                                                                   |
| Bước 7  | Xây dựng trang siêu văn bản: Nhập dữ liệu vào trang siêu văn bản, tạo khung cho tiêu đề, đoạn văn hình ảnh, định dạng phông chữ, màu sắc kích thước cho các đoạn văn bản, tạo các hiệu ứng động,... |
| Bước 8  | Kiểm tra và sửa lỗi trang siêu văn bản: Kiểm tra các tính năng, khả năng hiển thị trang trên các trình duyệt và các thiết bị khác nhau. Sửa lỗi nếu có.                                             |
| Bước 9  | Nghiệm thu trang siêu văn bản                                                                                                                                                                       |
| Bước 10 | Upload trang siêu văn bản lên máy chủ                                                                                                                                                               |
| Bước 11 | Thanh quyết toán                                                                                                                                                                                    |
| 12.1    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                                                                                                                  |
| 13.2    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                                                                                                        |
| 13.3    | Lưu hồ sơ                                                                                                                                                                                           |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ.” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                      | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                      |
|----|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí lựa chọn dữ liệu từ cơ sở dữ liệu có sẵn | Dữ liệu được chọn phải phù hợp với kế hoạch nhiệm vụ được giao | Đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ được giao. |

| TT | TÊN<br>TIÊU CHÍ                                | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | PHƯƠNG PHÁP<br>KIỂM TRA                                                                                                            |
|----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Tiêu chí về bố<br>cục trang siêu<br>văn bản    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang siêu văn bản phải có bố cục nhất quán và đồng bộ về màu sắc, kích thước font chữ. Các định dạng nội dung như tiêu đề, các đoạn văn bản, hình ảnh phải theo 1 phong cách cụ thể. Menu, liên kết và các thành phần tương tác phải được sắp xếp và hiển thị nhất quán</li> <li>- Cấu trúc trang phải đảm bảo tính logic, dễ theo dõi.</li> <li>- Có khả năng hiển thị tốt trên các trình duyệt và các thiết bị khác nhau.</li> <li>- Có khả năng điều hướng dễ dàng, tốc độ phản hồi nhanh</li> <li>- Có tính năng bảo mật tốt, hạn chế lỗ hổng và bảo vệ thông tin người dùng</li> </ul> | Đối chiếu với yêu cầu bố cục trang siêu văn bản được duyệt                                                                         |
| 3  | Tiêu chí về giao<br>diện trang siêu<br>văn bản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao diện trực quan, dễ sử dụng.</li> <li>- Có tính thẩm mỹ và nhất quán.</li> <li>- Tốc độ tải trang nhanh.</li> <li>- Tương thích với các thiết bị có độ phân giải khác nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đối chiếu với yêu cầu giao diện trang siêu văn bản được duyệt                                                                      |
| 4  | Tiêu chí về tính<br>pháp lý                    | - Tuân thủ pháp luật Việt Nam về tạo lập và đăng tải thông tin trên các trang siêu văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đối chiếu với Kế hoạch được duyệt và các văn bản pháp luật hiện hành về tạo lập và đăng tải thông tin trên các trang siêu văn bản. |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ” như sau:

*Đơn vị tính: 01 trang siêu văn bản dung lượng 01MB.*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>70.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 1,2             |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 47,05           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 33,3            |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 73,45           |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,023           |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Tờ          | 0,73            |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,104           |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 71**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường  
sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tính cho 01 cơ sở dữ liệu.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí mua cơ sở dữ liệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài khác.

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.” thực hiện theo quy trình sau:

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                           |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ                                                                                                                  |
| 1.1    | Tiếp nhận kế hoạch                                                                                                                                    |
| 1.2    | Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết                                   |
| 1.3    | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có)                                                     |
| Bước 2 | Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ. |
| Bước 3 | Xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi của nhiệm vụ                                                                                                      |
| Bước 4 | Lập kế hoạch và dự toán (nếu có)                                                                                                                      |

| TT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                       |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 5 | Phê duyệt kế hoạch, dự toán (nếu có)                                                                                              |
| Bước 6 | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ                                                                                 |
| 6.1    | Lập, duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu                                                                                             |
| 6.2    | Lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; đơn vị thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu |
| 6.3    | Phối hợp với đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu: cung cấp nội dung, kế hoạch dự toán                                                |
| 6.4    | Xây dựng tờ trình và dự thảo quyết định trình phê duyệt hồ sơ mời thầu                                                            |
| 6.5    | Đăng thông tin mời thầu                                                                                                           |
| 6.6    | Mở thầu và các thủ tục sau mở thầu                                                                                                |
| 6.7    | Văn bản mời thương thảo hợp đồng                                                                                                  |
| 6.8    | Thương thảo hợp đồng                                                                                                              |
| 6.9    | Dự thảo quyết định phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ, trình duyệt lãnh đạo, ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu     |
| 6.10   | Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ                                                                                 |
| Bước 7 | Hỗ trợ đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu cần)                                                                                |
| Bước 8 | Kiểm tra giám sát quá trình thực hiện hợp đồng của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ                                              |
| Bước 9 | Kết thúc công tác mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ       |
| 9.1    | Nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ                                                                                                      |
| 9.2    | Tập hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ                                                                                                   |
| 9.3    | Lập hồ sơ, trình, duyệt quyết toán kinh phí.                                                                                      |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                 | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                    | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                   |
|----|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp theo quy định | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị |

| TT | TÊN TIÊU CHÍ              | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                            |
|----|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|    | vị cung cấp dịch vụ       | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp                                                                                                                                                                                                                                | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự |
| 2  | Tiêu chí về cơ sở dữ liệu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải đầy đủ, trung thực, chính xác.</li> <li>- Phải có tính cập nhật, đảm bảo các dữ liệu mới nhất.</li> <li>- Phải có tính nhất quán, dễ đọc, dễ truy xuất.</li> <li>- Phải có nguồn gốc, dễ dàng kiểm tra, xác minh.</li> <li>- Phải đáp ứng tính bảo mật và an toàn dữ liệu.</li> </ul> | Đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ.                                                 |

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.” như sau:

*Đơn vị tính: 01 cơ sở dữ liệu.*

| Mã           | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>71.00</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 1,9             |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 36,55           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 13,05           |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 50,9            |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,051           |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Tờ          | 1,63            |
|              | Mực in A4 đen trắng           | Hộp         | 0,216           |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 20%             |

**PHỤ LỤC SỐ 72****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện

hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### **3. Áp dụng định mức**

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức tuyên truyền được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền như sau:

a) Định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền bằng hình thức phát video tuyên truyền tại địa điểm công cộng (phát trên fanpage website, lễ khai mạc hội chợ và các nền tảng Internet khác) thì áp dụng như định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình.

b) Định mức tính bình quân 35 tin/bài sản xuất mới cho 01 kế hoạch trên báo giấy (báo in), báo điện tử; Trường hợp kế hoạch tăng(giảm) 01 tin/bài thì định mức nhân công và máy tính tăng(giảm) với hệ số  $k=0,01$  lần cho mỗi 01 tin/bài.

Tin tương đương với tin sâu (từ 200÷500 từ), bài tương đương bài phản ánh, bài nghiên cứu (từ 700÷1000 từ) theo các quy định tại Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn.

c) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình cho 01 kế hoạch tuyên truyền tương đương thời lượng phát sóng 30 phút (hoặc quy đổi tương đương, ví dụ: 01 video sản xuất mới thời lượng 30 phút hoặc 03 video sản xuất mới thời lượng 10 phút). Trường hợp thời lượng phát sóng nhiều hơn hoặc ít hơn thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số  $k=0,02$  lần cho mỗi 10 phút thời lượng.

d) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền bằng xuất bản phẩm (tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay, cẩm nang, kỷ yếu) cho 01 kế hoạch tuyên truyền tính

cho 20 địa điểm cần bàn giao xuất bản phẩm tuyên truyền. Trường hợp địa điểm bàn giao nhiều hơn hoặc ít hơn thì hao phí nhân công chuyên viên loại A1 bậc 3/9 được cộng hoặc trừ đi 0,5 công và hao phí Ô tô chở hàng  $<0,5$  tấn được cộng hoặc trừ đi 0,5 ca cho mỗi 01 điểm bàn giao.

Xuất bản phẩm là tờ rơi, tờ gấp: 01 tờ A4 in 2 mặt 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

Xuất bản phẩm dạng sách, sổ tay, kỷ yếu: Sách khổ A5 (15cmx22cm), in 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

e) Sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đáp ứng các Quy định về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Định mức chưa bao gồm các hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê ngoài như: thuê tư vấn đấu thầu, thuê đơn vị/cơ quan báo chí xây dựng bản thảo, nhuận bút, dịch, biên tập, thiết kế, chế bản, in ấn, phát sóng, đăng tải và các chi phí khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

### **1. Quy trình thực hiện dịch vụ**

Dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” thực hiện theo quy trình sau:

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1  | Tiếp nhận yêu cầu thực hiện kế hoạch/nhiệm vụ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ. |
| Bước 2  | Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Bước 3  | Phê duyệt kế hoạch chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Bước 4  | Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Bước 5  | Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Bước 6  | Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Bước 7  | Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện thông tin, tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Bước 8  | Hỗ trợ, Cung cấp thông tin cho đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 8.1     | Liên hệ với đơn vị cung cấp dịch vụ, cung cấp tài liệu, hình ảnh, đầu mối, (đối với ấn phẩm thì cung cấp thông tin, hình ảnh, tổng hợp nội dung, yêu cầu thiết kế sách/kỷ yếu/sổ tay tuyên truyền (từ 40÷100 trang), tờ rơi, tờ gấp thì cung cấp thông tin hình ảnh nội dung, yêu cầu thiết kế của 2 trang A4)                                          |
| 8.2     | Dẫn, giới thiệu đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền đến địa điểm cần tuyên truyền để viết bài, quay phim, ghi hình, phỏng vấn....                                                                                                                                                                                                                      |
| Bước 9  | Tiếp nhận, kiểm tra sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Bước 10 | Duyệt nội dung sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Bước 11 | Theo dõi việc thực hiện tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Bước 12 | Tiếp nhận sản phẩm tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 12.1    | Đối với sản phẩm là tin/bài/video: Lưu trữ trên đĩa CD/USB, đăng tải lên trang website hoặc các nền tảng Internet khác (tin, bài lưu bản giấy, đường link)                                                                                                                                                                                              |
| 12.2    | Đối với ấn phẩm là Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay: nhận bàn giao sản phẩm in ấn, kiểm đếm, lập biên bản nghiệm thu; Lập và duyệt danh sách đối tượng tuyên truyền.                                                                                                                                                                                        |

| STT     | Quy trình thực hiện dịch vụ                                                                                  |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12.3    | Bàn giao cho bộ phận thực hiện tuyên truyền hoặc đơn vị đối tác và đơn vị liên quan để phối hợp tuyên truyền |
| Bước 13 | Thanh quyết toán                                                                                             |
| 13.1    | Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền                                      |
| 13.2    | Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan                                                                           |
| 13.3    | Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán                                                                 |
| 13.4    | Lưu hồ sơ                                                                                                    |

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

| TT | TÊN TIÊU CHÍ                                                     | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                                          | PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA                                                                       |
|----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ | Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sản xuất tiêu dùng bền vững theo quy định.                                                                                                                              | Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị                     |
|    |                                                                  | Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về lĩnh vực sản xuất tiêu dùng bền vững. | Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự            |
| 2  | Tiêu chí về kế hoạch thông tin tuyên truyền                      | Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.                                                                                                                          | Đối chiếu nội dung thông tin, tuyên truyền trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt. |
|    |                                                                  | Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                                                      | Đối chiếu nội dung thông tin tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt                 |

| TT | TÊN<br>TIÊU CHÍ                               | YÊU CẦU ĐÁP ỨNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | PHƯƠNG PHÁP<br>KIỂM TRA                                                                                                                                               |
|----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Tiêu chí về nội dung thông tin, tuyên truyền  | Phù hợp với nội dung thông tin, tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất dùng bền vững đã được phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.                                                                                      |
|    |                                               | Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.                                                                                                     |
| 4  | Tiêu chí về hình thức thông tin, tuyên truyền | Phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:<br>+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo in, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh;<br>+ Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp;<br>+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).                                            | Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.                                                                                                     |
| 5  | Tiêu chí về sản phẩm thông tin, tuyên truyền  | Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đối chiếu yêu cầu của nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.                                                                                             |
|    |                                               | Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền:<br>+ Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;<br>+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;<br>+ Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay...: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền | - Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.<br>- Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền. |

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững” như sau:

**1. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử:**

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>72.01</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 6,563           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 20,563          |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 51,760          |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 58,417          |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 10,000          |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,057           |
|              | Máy in A4 màu                 | Ca          | -               |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 0,625           |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 9,250           |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 1,766           |
|              | Mực in A4 đen                 | hộp         | 0,20            |
|              | Mực in A4 màu                 | hộp         |                 |
|              | Đĩa CD                        | cái         | -               |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 18%             |

**2. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình:***Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>72.02</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 2,563           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 13,563          |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 36,719          |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 29,875          |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 10,000          |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,057           |
|              | Máy in A4 màu                 | Ca          | -               |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 2,125           |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 1,250           |
|              | Máy ảnh                       | Ca          | 1,500           |
|              | Ô tô                          | Ca          | 1,500           |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 1,766           |
|              | Mực in A4 đen                 | hộp         | 0,20            |
|              | Mực in A4 màu                 | hộp         |                 |
|              | Đĩa CD                        | cái         | 1,00            |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 18%             |

**3. Trường hợp tổ chức chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng sách:***Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng sách (tập san, kỷ yếu, cẩm nang, sổ tay...)*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>72.03</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 2,688           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 18,813          |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 77,531          |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 67,583          |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 10,000          |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,064           |
|              | Máy in A4 màu                 | Ca          | 0,005           |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 0,625           |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 6,500           |
|              | Ô tô chở hàng <0,5 tấn        | Ca          | 10,000          |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 1,966           |
|              | Mực in A4 đen                 | hộp         | 0,22            |
|              | Mực in A4 màu                 | hộp         | 0,018           |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 18%             |

**4. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng tờ rơi, tờ gấp:***Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng là tờ rơi, tờ gấp, catalog (tính 1 tờ A4)*

| Mã hiệu      | Thành phần hao phí            | Đơn vị tính | Trị số định mức |
|--------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>72.04</b> |                               |             |                 |
| 1            | Định mức lao động             |             |                 |
|              | Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8 | Công        | 1,938           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 5/9   | Công        | 9,688           |
|              | Chuyên viên loại A1 bậc 3/9   | Công        | 37,781          |
| 2            | Định mức máy móc, thiết bị    |             |                 |
|              | Máy tính để bàn               | Ca          | 25,458          |
|              | Máy tính xách tay             | Ca          | 5,000           |
|              | Máy in A4 đen trắng           | Ca          | 0,062           |
|              | Máy in A4 màu                 | Ca          | 0,001           |
|              | Máy điện thoại di động        | Ca          | 0,625           |
|              | Máy chiếu                     | Ca          | 0,375           |
|              | Ô tô chở hàng <0,5 tấn        | Ca          | 10,000          |
| 3            | Định mức vật tư               |             |                 |
|              | Giấy in A4                    | Ram         | 1,894           |
|              | Mực in A4 đen                 | hộp         | 0,21            |
|              | Mực in A4 màu                 | hộp         | 0,002           |
| 4            | Chi phí gián tiếp             | %           | 18%             |

(Xem tiếp công báo số 348+349)

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442  
Fax: 024.37739443  
Email: [congbao@hanoi.gov.vn](mailto:congbao@hanoi.gov.vn)  
Website: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn)